

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU**  
**NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ**  
**CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ**  
**MÃ SỐ: 60310106**

*(Ban hành theo Quyết định số 3539/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 09 năm 2015  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

## **PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo**

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**
  - + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
  - + Tiếng Anh: International Economics
- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 60310106
- **Tên ngành đào tạo:**
  - + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
  - + Tiếng Anh: International Economics
- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kinh tế quốc tế
  - + Tiếng Anh: The Degree of Master in International Economics
- **Đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

### **2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế quốc tế theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và chuyển giao công nghệ quốc tế, cũng như trang bị cho người học phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; có khả năng thực hiện công việc nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách tại các viện nghiên cứu, các

trường đại học và cao đẳng, các cơ quan chính phủ; hoặc có thể tiếp tục tham gia học tập các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế và các lĩnh vực có liên quan.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:
  - + Môn thi Cơ bản: Kinh tế quốc tế
  - + Môn thi Cơ sở: Thi theo phương thức đánh giá năng lực
  - + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh.

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

##### **3.2.1. Điều kiện văn bằng**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế quốc tế hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Kinh tế quốc tế, có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ);
- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Kinh tế quốc tế, có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 7 học phần (21 tín chỉ).

##### **3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác**

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay;
- Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

#### **3.3. Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần**

- Danh mục các ngành phù hợp: Kinh tế (có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế);
- Danh mục các ngành gần: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế); Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng.

### **3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức**

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Kinh tế quốc tế, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

+ Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+ Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+ Thương mại quốc tế	(3 tín chỉ)
+ Đầu tư quốc tế	(3 tín chỉ)
+ Tài chính quốc tế	(3 tín chỉ)

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Kinh tế quốc tế, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 7 học phần (21 tín chỉ):

+ Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+ Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+ Kinh tế phát triển	(3 tín chỉ)
+ Thương mại quốc tế	(3 tín chỉ)
+ Đầu tư quốc tế	(3 tín chỉ)
+ Tài chính quốc tế	(3 tín chỉ)
+ Kinh doanh quốc tế	(3 tín chỉ)

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn**

#### **1.1. Kiến thức chung**

- Nắm vững thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin;
- Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

#### **1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành**

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến

thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Người học nắm vững phương pháp luận nghiên cứu và sử dụng được phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội; có hiểu biết sâu về tri thức cơ sở ngành kinh tế quốc tế, có khả năng vận dụng những tri thức đó trong nghiên cứu và giảng dạy;

- Người học làm chủ được những kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và chuyển giao công nghệ quốc tế để thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như giảng dạy, phân tích, tư vấn và hoạch định chính sách tại các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng, các cơ quan chính phủ;

- Hiểu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để tổng hợp, phân tích và đánh giá các chính sách trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, cũng như phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và phân tích chính sách vĩ mô trong lĩnh vực kinh tế quốc tế,

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

## **2. Chuẩn về kỹ năng**

### ***2.1. Kỹ năng nghề nghiệp***

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo;

- Có năng lực độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới để hoàn thành các đề tài, dự án trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;

- Có năng lực giảng dạy các học phần liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế như Thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế, Tài chính quốc tế và các học phần có liên quan;

- Có năng lực phân tích, đánh giá, tư vấn và tham gia hoạch định các chính sách về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và chuyển giao công nghệ quốc tế.

## **2.2. Kỹ năng bổ trợ**

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;

- Làm việc độc lập và tự nghiên cứu khám phá;

- Quản lý nhóm và lãnh đạo nhóm hiệu quả;

- Kỹ năng phân tích, đánh giá và tư duy logic;

- Giải quyết tốt các mối quan hệ cá nhân trong tổ chức;

- Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý thông tin như SPSS, E-View,...

## **3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

### **3.1. Trách nhiệm công dân**

- Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, làm việc với tinh thần kỷ luật cao và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng. Tham gia công tác xã hội, đoàn thể.

### **3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ**

- Có các phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo;

- Trung thực, thẳng thắn, khách quan trong công việc nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn. Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chuyển giao kết quả nghiên cứu cho xã hội.

### **3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề**

- Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.

### **4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

#### **- Nhóm 1: Nghiên cứu viên và giảng viên**

Có năng lực độc lập nghiên cứu và giảng dạy các chuyên đề hoặc các học phần liên quan đến thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và chuyển giao công nghệ quốc tế tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước.

#### **- Nhóm 2: Chuyên gia phân tích, tư vấn chính sách**

Có đủ năng lực để tham gia hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế; tài chính quốc tế; đầu tư quốc tế tại các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương và Địa phương, cũng như tại các tổ chức quốc tế.

### **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và các lĩnh vực khác có liên quan.

### **6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo**

- Thạc sĩ Thương mại và Tài chính quốc tế của Trường Đại học Glasgow (Anh)  
<http://www.gla.ac.uk/postgraduate/taught/internationaltradefinance/>

- Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế của Đại học SUFFORK (Hoa Kỳ)  
<http://www.suffolk.edu/college/4403.html>

- Thạc sĩ Khoa học về Kinh tế quốc tế và phát triển, Đại học YALE (Hoa Kỳ)  
[http://www.yale.edu/ide/program\\_core.html](http://www.yale.edu/ide/program_core.html)

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland (Australia)  
[http://www.uq.edu.au/study/program\\_list.html?acad\\_prog=5185](http://www.uq.edu.au/study/program_list.html?acad_prog=5185)

- Thạc sĩ Kinh tế quốc tế, Đại học Birmingham (Anh)  
[http://www.birmingham.ac.uk/students/courses/postgraduate/taught/econ/international-economics.aspx?gclid=COHy\\_r\\_1i64CFUQA4god5hzv2g](http://www.birmingham.ac.uk/students/courses/postgraduate/taught/econ/international-economics.aspx?gclid=COHy_r_1i64CFUQA4god5hzv2g)

### PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo :	<b>64 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức chung:	<b>8 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	<b>41 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i> :	<b>21 tín chỉ</b>
+ <i>Tự chọn</i> :	<b>20 tín chỉ /40 tín chỉ</b>
- Luận văn thạc sĩ:	<b>15 tín chỉ</b>

#### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung (*)</b>		<b>8</b>				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>English for General Purpose</i>	4	40	20	0	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>41</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>				
3	INE 6005	Lý thuyết Kinh tế vi mô <i>Microeconomics Theory</i>	2	20	10	0	
4	INE 6003	Lý thuyết Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics Theory</i>	2	20	10	0	
5	INE 6101	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	3	30	15	0	
6	INE 6036	Kinh tế Đông Á <i>East Asian Economics</i>	2	20	10	0	
7	INE 6037	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Trade: Policies and Practices</i>	3	30	15	0	
8	INE 6007	Tài chính và tiền tệ quốc tế <i>International Finance and Money</i>	3	30	15	0	
9	INE 6019	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Investment: Policies and Practices</i>	3	30	15	0	
10	INE 6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu <i>International Business: Challenges of the Global Competition</i>	3	30	15	0	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>20/44</b>				
11	PEC 6003	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển <i>Industrialisation in Developing Countries</i>	3	30	15	0	
12	PEC 6009	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, inequality and governments in underdeveloped countries</i>	3	30	15	0	
13	INE 6028	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>Globalisation and International intergration of Vietnam</i>	3	30	15	0	
14	INE 6104	Kinh tế thế giới hiện đại <i>The Contemporary World Economy</i>	3	30	15	0	
15	BSA 6008	Các thị trường và định chế tài chính <i>Financial institutions and markets</i>	3	30	15	0	
16	FIB 6025	Tài chính công <i>Public Finances</i>	3	30	15	0	
17	INE 6033	Quản lý chu trình dự án quốc tế <i>International Project - Cycle Management</i>	3	30	15	0	
18	INE 6111	Công ty xuyên quốc gia: chuyển giao công nghệ và phát triển. <i>Transnational Corporations TechnololyTransferand Development</i>	3	30	15	0	
19	INE 6014	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển <i>Foreign Debt of Developing Countries.</i>	3	30	15	0	
20	PEC 6025	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>Government, market and international management</i>	3	30	15	0	
21	PEC 6041	Kinh tế phát triển nâng cao <i>Economic development. Advanced</i>	3	30	15	0	
22	INE 6034	Chuỗi cung ứng: Lý thuyết và ứng dụng <i>Supply Chain: Theory and Applications</i>	2	30	15	0	
23	INE 6035	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng <i>E-commerce: Theory and Applications</i>	2	20	10	0	
24	BSA 6022	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance Management</i>	3	30	15	0	



TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
25	INE 6032	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management information systems</i>	2	20	10	0	
26	PEC 6014	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người <i>Economic growth and human development</i>	2	20	10	0	
<b>III</b>	INE 7001	<b>Luận văn thạc sĩ</b> <b><i>Thesis</i></b>	<b>15</b>				
		<b>Tổng cộng</b>	<b>64</b>				

**Ghi chú:** (\*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.